

Ths/2019 < 1.1 → 886 >
Ths 8
8
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2361/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 30 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ cho học viên Cao học khóa XXV (2017-2019) và khóa XXIV (2016-2018) (đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ ngày 29 tháng 3 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ trên đại học cho Trường ĐHSP Vinh (nay là Trường Đại học Vinh);

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-ĐHV ngày 09/06/2017 và Quyết định số 2113/QĐ-ĐHV ngày 04/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc công nhận trúng tuyển vào Cao học khóa XXV (2017-2019);

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp Cao học đợt 1 năm 2019;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ cho 876 học viên cao học khóa XXV (2017-2018) và khóa XXIV (2016-2018) của Trường Đại học Vinh (có danh sách kèm theo).

(876) < 3405 - 4280 >

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng phòng Công tác chính trị học sinh- sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *lhb*

- Như Điều 2;
- Đ/c Hiệu trưởng (để b/c);
- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (b/c)
- Lưu: HCTH, SĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXV (2017-2019)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 1161 /QĐ-ĐHV ngày 10 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	TBC	L.V	Chuyên ngành	Ghi chú	
1	1760140101110006	Vi Thị Thủy	Dung	19/05/1993	43	7.88	8.0	Giáo dục học bậc tiểu học	Miễn NN
2	1760140101110007	Trương Thị Thu	Huyền	18/08/1995	43	8.65	9.0	Giáo dục học bậc tiểu học	Miễn NN
3	1760140101110001	Mai Thùy	Linh	02/10/1995	43	8.61	8.8	Giáo dục học bậc tiểu học	Miễn NN
4	1760140101110005	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/04/1993	46	7.83	8.5	Giáo dục học bậc tiểu học	
5	1760140101110008	Lê Thị Kiều	Oanh	15/11/1995	43	8.12	8.9	Giáo dục học bậc tiểu học	Miễn NN
6	1760140101110002	Nguyễn Thị Vân	Oanh	21/11/1993	46	8.09	8.9	Giáo dục học bậc tiểu học	
7	1760140101110003	Trần Thị	Thông	07/06/1993	46	7.93	8.5	Giáo dục học bậc tiểu học	
8	1760140101110004	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/07/1992	46	8.03	8.7	Giáo dục học bậc tiểu học	
9	1760140101210003	Nguyễn Thị	Liệu	10/04/1991	46	7.98	8.4	Giáo dục học bậc mầm non	
10	1760140101210005	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	17/06/1988	46	7.82	8.4	Giáo dục học bậc mầm non	
11	1760140101210001	Hoàng Thị	Thom	20/05/1994	43	8.14	8.8	Giáo dục học bậc mầm non	Miễn NN
12	1760140101210002	Nguyễn Thị Minh	Trà	20/12/1980	46	8.42	8.9	Giáo dục học bậc mầm non	
13	1760140101210004	Đậu Thị Thu	Uyên	24/02/1995	46	7.73	8.3	Giáo dục học bậc mầm non	
14	1760140101210006	Đậu Thị Lê	Vân	16/07/1985	46	7.98	8.3	Giáo dục học bậc mầm non	
15	176014010310009	Bùi Khắc	Chung	22/10/1980	45	7.95	8.5	Giáo dục thể chất	
16	176014010310003	Đỗ Quang	Duy	18/01/1992	45	7.97	8.5	Giáo dục thể chất	
17	176014010310002	Đậu Thị Thùy	Giang	24/04/1984	45	8.43	9.0	Giáo dục thể chất	
18	176014010310007	Lê Việt	Hung	11/07/1989	45	8.03	8.0	Giáo dục thể chất	
19	176014010310001	Thúc Văn	Tài	16/10/1975	45	8.42	9.0	Giáo dục thể chất	
20	176014010310005	Nguyễn Xuân	Trương	18/10/1989	45	8.01	8.5	Giáo dục thể chất	
21	176014010310004	Nguyễn Quang	Tuệ	09/10/1976	45	8	8.5	Giáo dục thể chất	

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	TBC	LV	Chuyên ngành	Ghi chú
218	176044010910019	Tạ Tâm Anh	28/10/1995	42	8.01	9.5	Quang học	Miễn NN
219	176044010910005	Phạm Thị Hoài Dương	22/09/1987	45	8.71	9.0	Quang học	
220	176044010910017	Nguyễn Hồng Hải	20/03/1978	45	7.87	8.7	Quang học	
221	176044010910023	Lâm Trung Hiếu	01/01/1995	42	8.41	9.5	Quang học	Miễn NN
222	176044010910002	Trương Phi Hùng	15/08/1985	45	7.83	8.5	Quang học	
223	176044010910018	Ngô Thị Thanh Huyền	17/10/1995	42	8.21	9.0	Quang học	Miễn NN
224	176044010910001	Đậu Văn Minh	15/05/1979	45	7.9	8.7	Quang học	
225	176044010910020	Nguyễn Du San	07/09/1995	42	8.39	9.0	Quang học	Miễn NN
226	176044010910003	Trần Đăng Sự	06/09/1979	42	7.96	8.5	Quang học	Miễn NN
227	176014011210023	Nguyễn Thị Thanh	07/02/1975	45	7.99	8.5	Quang học	
228	176044010910022	Nguyễn Thị Bích Tình	22/08/1983	45	7.73	8.5	Quang học	
229	176062011010010	Nguyễn Trọng Bàn	01/05/1993	42	7.4	7.1	Khoa học cây trồng (lớp A)	Miễn NN
230	176062011010006	Đặng Quang Bảo	24/02/1994	45	6.51	7.2	Khoa học cây trồng (lớp A)	
231	176062011010011	Nguyễn Thị Bích Duyên	15/06/1982	45	7.09	7.8	Khoa học cây trồng (lớp A)	
232	176062011010014	Trần Thị Duyên	14/09/1983	45	8.01	8.6	Khoa học cây trồng (lớp A)	
233	176062011010020	Phùng Văn Hào	20/08/1976	45	7.39	8.0	Khoa học cây trồng (lớp A)	
234	176062011010017	Phạm Xuân Hùng	27/09/1994	45	7.04	7.4	Khoa học cây trồng (lớp A)	
235	176062011010005	Hà Văn Khương	17/06/1979	45	7.25	8.0	Khoa học cây trồng (lớp A)	
236	176062011010021	Chu Thị Lan	03/08/1982	45	7.88	8.1	Khoa học cây trồng (lớp A)	
237	176062011010001	Cao Đỗ Mười	12/11/1988	45	8.07	8.8	Khoa học cây trồng (lớp A)	
238	176062011010003	Lô Thị Trà My	10/07/1986	45	8.17	8.2	Khoa học cây trồng (lớp A)	
239	176062011010009	Nguyễn Thị Hồng Ngát	10/09/1991	45	8.39	8.8	Khoa học cây trồng (lớp A)	
240	176062011010002	Nguyễn Hữu Ngọc	08/05/1982	45	7.93	8.4	Khoa học cây trồng (lớp A)	
241	176062011010012	Võ Hoàng Nguyễn	19/05/1958	42	7.58	8.2	Khoa học cây trồng (lớp A)	Miễn NN
242	176062011010016	Võ Xuân Phong	01/01/1977	45	7.43	8.0	Khoa học cây trồng (lớp A)	
243	176062011010022	Lâm Duy Thuởng	02/02/1976	45	7.29	8.0	Khoa học cây trồng (lớp A)	
244	176062011010007	Lê Tiến Tiên	20/06/1983	45	7.44	7.9	Khoa học cây trồng (lớp A)	
245	176062011010019	Nguyễn Thị Trâm	10/10/1986	45	8.22	8.3	Khoa học cây trồng (lớp A)	

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	TBC	LV	Chuyên ngành	Ghi chú
246	176062011010004	Hà Minh Tuấn	14/09/1982	45	7.47	8.0	Khoa học cây trồng (lớp A)	
247	176062011010008	Trần Duy Việt	20/01/1984	45	7.67	8.2	Khoa học cây trồng (lớp A)	
248	176062011010031	Lê Thị Nhật Anh	23/06/1990	45	7.79	8.3	Khoa học cây trồng (lớp B)	
249	176062011010032	Phạm Thị Bưởi	03/01/1990	45	7.67	8.0	Khoa học cây trồng (lớp B)	
250	176062011010035	Võ Thị Bích Chi	02/07/1985	45	7.17	7.2	Khoa học cây trồng (lớp B)	
251	176062011010034	Võ Thị Thùy Dung	03/11/1985	45	7.67	8.3	Khoa học cây trồng (lớp B)	
252	176062011010036	Vũ Thị Hồng Gấm	24/12/1993	45	7.46	7.6	Khoa học cây trồng (lớp B)	
253	176062011010024	Nguyễn Minh Hà	23/01/1988	45	7.28	8.0	Khoa học cây trồng (lớp B)	
254	176062011010025	Trần Thượng Hào	15/09/1985	45	7.66	7.6	Khoa học cây trồng (lớp B)	
255	176062011010023	Trần Thiện Hùng	15/02/1965	45	7.93	8.4	Khoa học cây trồng (lớp B)	
256	176062011010037	Trần Quốc Khánh	20/06/1983	45	7.44	8.0	Khoa học cây trồng (lớp B)	
257	176062011010027	Hà Thị Lý	19/05/1984	45	7.69	8.4	Khoa học cây trồng (lớp B)	
258	176062011010026	Cao Minh Ngự	23/07/1983	45	7.93	8.4	Khoa học cây trồng (lớp B)	
259	176062011010030	Phạm Thị Hồng Phúc	01/08/1989	45	7.94	8.3	Khoa học cây trồng (lớp B)	
260	176062011010028	Trịnh Khả Quý	06/07/1989	45	7.41	8.0	Khoa học cây trồng (lớp B)	
261	176062011010029	Nguyễn Thị Soa	06/09/1985	45	7.6	8.4	Khoa học cây trồng (lớp B)	
262	176062011010038	Đinh Công Thuận	02/11/1976	45	7.67	8.0	Khoa học cây trồng (lớp B)	
263	176062011010033	Nguyễn Thị Thuồng	27/10/1990	45	7.61	8.4	Khoa học cây trồng (lớp B)	
264	176062011010039	Lê Quang Vĩnh	16/08/1981	45	7.75	8.4	Khoa học cây trồng (lớp B)	
265	176031010210003	Phan Trần Tuấn Anh	28/05/1992	46	7.11	8.0	Kinh tế chính trị	
266	176031010210034	Trần Tuấn Anh	29/09/1991	46	7.62	8.3	Kinh tế chính trị	
267	176031010210036	Trần Thị Bình	25/10/1977	46	8.05	8.9	Kinh tế chính trị	
268	176031010210025	Phạm Nhật Chung	22/01/1993	46	6.9	7.5	Kinh tế chính trị	
269	176031010210035	Phan Huy Chung	23/07/1995	43	7.78	8.4	Kinh tế chính trị	Miễn NN
270	176031010210007	Trần Thanh Cương	20/05/1982	46	7.35	8.0	Kinh tế chính trị	
271	176031010210017	Nguyễn Thái Diễn	26/04/1984	46	7.05	7.5	Kinh tế chính trị	
272	176031010210048	Đinh Việt Dũng	18/01/1982	46	7.54	8.5	Kinh tế chính trị	
273	176031010210018	Phạm Quốc Dũng	15/08/1986	46	7.69	8.2	Kinh tế chính trị	

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	TBC	LV	Chuyên ngành	Ghi chú
862	176034041010114	Lâm Thái Lộc	26/04/1971	43	8.69	9.0	Quản lý kinh tế	VL (Miễn NN)
863	176034041010115	Trần Thị Hoàng Ngân	30/05/1980	46	8.41	8.8	Quản lý kinh tế	VL
864	176034041010116	Trần Thị Hồng Nguyên	20/10/1981	46	8.37	8.3	Quản lý kinh tế	VL
865	176034041010117	Nguyễn Thị Nhài	05/11/1982	46	8.05	8.3	Quản lý kinh tế	VL
866	176034041010118	Hà Tiến Phát	28/10/1973	46	8	8.6	Quản lý kinh tế	VL
867	176034041010119	Lê Thị Ngọc Quyên	21/09/1977	46	8.34	9.2	Quản lý kinh tế	VL
868	176034041010120	Trần Ngọc Thanh	15/08/1976	46	8.46	8.7	Quản lý kinh tế	VL
869	176034041010121	Ngô Đức Thành	01/02/1973	43	7.94	8.4	Quản lý kinh tế	VL (Miễn NN)
870	176034041010122	Châu Vĩnh Thọ	29/08/1980	43	8.03	8.7	Quản lý kinh tế	VL (Miễn NN)
871	176034041010123	Phùng Ngọc Thúy	07/06/1968	46	8.07	8.3	Quản lý kinh tế	VL
872	176034041010124	Nguyễn Minh Trí	06/07/1976	46	8.08	9.0	Quản lý kinh tế	VL
873	176034041010125	Phạm Hoàng Trung	14/10/1990	46	7.92	8.1	Quản lý kinh tế	VL
874	176034041010126	Nguyễn An Tường	22/11/1976	46	8.25	8.5	Quản lý kinh tế	VL
875	176034041010128	Nguyễn Đoàn Thanh Tùng	28/05/1979	46	7.98	8.5	Quản lý kinh tế	VL
876	176034041010127	Đào Thị Ánh Tuyết	15/04/1979	43	8.48	8.7	Quản lý kinh tế	VL (Miễn NN)

Danh sách gồm 876 học viên được xét tốt nghiệp và cấp bằng.

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Huy Bằng

